SAO Y
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Cơ quan:
Thời gian ký: 15.06.2026 14:47:25 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 91 /KH-UBND	*Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Cấp nước an toàn khu vực nông thôn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn liên tục;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Sau khi xem xét báo cáo và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 367/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc ban hành Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2030; Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

1. Để duy trì hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sạch nông thôn đảm bảo cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn quy định, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

2. Để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch an toàn, liên tục cho người dân phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3. Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 34/CT-TTg, ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Nhằm xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, giải pháp thực hiện của các cơ quan liên quan, để thực hiện thành công các mục tiêu cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2026-2030.

Phân công trách nhiệm cụ thể, thời gian, tiến độ để các Sở, ban, ngành và các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện.

2. Yêu cầu

Cụ thể hóa các mục tiêu cấp nước an toàn cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, đơn vị trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Kiểm tra đánh giá, tổng hợp báo cáo, kịp thời đề xuất các biện pháp xử lý những khó khăn tồn trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn các địa phương, đơn vị việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tổ chức thực hiện kế hoạch.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Nâng cao nhận thức của người dân nông thôn về bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

b) Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, đủ lượng nước và chất lượng nước bảo đảm theo quy chuẩn quy định của pháp luật.

c) Triển khai các giải pháp hiệu quả ứng phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước.

d) Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

đ) Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

e) Nhận diện các mối nguy hiểm thực tế, tiềm năng và nguyên nhân dựa trên kiến thức, các sự cố có tính quy luật, danh sách kiểm tra theo các tài liệu hướng dẫn cấp nước, thói quen, hành vi vệ sinh tại cộng đồng, những thay đổi trong hoặc xung quanh công trình; cập nhật các tình huống xảy ra để cung cấp bằng chứng cho việc xác định và đánh giá các mối nguy hiểm này.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đạt tỷ lệ 100% hệ thống (công trình) cấp nước sạch nông thôn tập trung có công suất từ 100 m^3/ngày đêm trở lên được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

b) Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn bình quân dưới 15%; dịch vụ cấp nước liên tục, đủ áp lực 24 giờ trong ngày.

3. Phạm vi, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi thực hiện: Triển khai trong hoạt động dịch vụ sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý tài sản công trình cấp nước; vận hành, sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

1. Nội dung thực hiện

a) Tổ chức lập, phê duyệt, thực hiện và kiểm tra, đánh giá về kế hoạch cấp nước an toàn đối với từng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và thực hiện quy trình kiểm soát và ứng phó trong trường hợp công trình cấp nước nông thôn tập trung gặp sự cố theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo đảm cấp nước an toàn.

c) Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn cho các công trình cấp nước sạch nông thôn.

d) Thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ chất lượng nguồn nước nguyên liệu; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

đ) Thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình để bảo đảm cấp nước an toàn cho các công trình cấp nước.

e) Đào tạo, nâng cao năng lực về bảo đảm cấp nước an toàn.

f) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước của các đơn vị cấp nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

g) Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn.

h) Ứng dụng công nghệ trong thực hiện cấp nước an toàn.

2. Các giải pháp thực hiện

a) Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Hằng năm xây dựng kế hoạch truyền thông về bảo đảm cấp nước an toàn. Tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền với các nội dung giáo dục về Luật Tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm; giới thiệu phổ biến Chương trình bảo đảm cấp nước an toàn, giới thiệu nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm về thực hiện tốt cấp nước an toàn để người dân, các cơ sở cấp nước, chính quyền các cấp nâng cao trách nhiệm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm cấp nước an toàn, bền vững.

- Đẩy mạnh truyền thông, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng (Phát thanh, truyền hình...), các loại ấn phẩm (Báo, tạp chí, tờ rơi…); tập trung tuyên truyền cao điểm vào dịp Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường hằng năm, ngày Môi trường thế giới và các ngày lễ quan trọng khác.

b) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

- Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Xây dựng các nội dung quy định trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước phù hợp đặc điểm nguồn nước tại các khu vực trên địa bàn thành phố.

c) Thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước:

- Lập hành lang bảo vệ nguồn nước và xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước.

- Nghiên cứu giải pháp trữ nước đối với các công trình cấp nước sạch tập trung khó khăn về nguồn nước (Ảnh hưởng chất lượng, trữ lượng nguồn nước không ổn định…).

- Đầu tư các công trình quan trắc, giám sát chất lượng nguồn nước; kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm; kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hoạt động gây tác hại đến nguồn nước ngầm.

- Thực hiện kiểm tra, xử lý các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép...

d) Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn và đầu tư, nâng cấp, phát triển công trình cấp nước:

- Triển khai lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn cho từng công trình cấp nước.

- Đấu nối, mở rộng mạng lưới tuyến ống cấp nước cho các khu vực cấp nước không ổn định từ các công trình cấp nước sạch tập trung có đủ khả năng cấp nước.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung đảm bảo chất lượng nước theo quy định.

- Thực hiện phân cấp, chuyển giao các công trình cấp nước sạch tập trung hoạt động kém hiệu quả do Ủy ban nhân dân xã quản lý cho các đơn vị đủ năng lực để đầu tư nâng cấp, quản lý, khai thác, vận hành.

- Căn cứ vào tình hình biến đổi khí hậu để đánh giá mức tiêu thụ, sử dụng nước của người dân để lập kế hoạch nâng công suất trạm cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước.

- Rà soát, đánh giá và đề xuất phương án xử lý đối với các công trình cấp nước nhỏ đã đấu nối nguồn nước mặt, công trình ngưng hoạt động hoặc đang hoạt động cầm chừng.

đ) Đào tạo, nâng cao năng lực về bảo đảm cấp nước an toàn:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp trong việc tổ chức quản lý thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn.

- Đối với các đơn vị cấp nước: Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, người lao động trong đơn vị. Tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn. Xây dựng đội ngũ công nhân lỹ thuật đảm bảo yêu cầu về quản lý vận hành công trình cấp nước và xét nghiệm chất lượng nước theo quy định của Bộ Y tế.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước của các đơn vị cấp nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành:

- Thực hiện nội kiểm chất lượng nước: Các đơn vị cấp nước tự thực hiện theo quy định.

- Thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước: Sở Y tế tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước của các công trình cấp nước sạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

f) Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn:

Hàng năm thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc lập và thực hiện các nội dung kế hoạch cấp nước an toàn của các công trình cấp nước bao gồm:

Phạm vi được cung cấp bảo đảm cấp nước an toàn, các chỉ số liên quan đến kiểm soát rủi ro, chất lượng nước, chất lượng dịch vụ cấp nước (Áp lực, tính liên tục, chất lượng nước, ...).

g) Ứng dụng công nghệ trong thực hiện cấp nước an toàn:

- Ứng dụng công nghệ, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành công trình cấp nước.

- Nghiên cứu lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

V. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

Theo Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn áp dụng đối với công trình có công suất 100m^3/ngày đêm trở lên. Qua rà soát, có 68 công trình cấp nước khu vực nông thôn có công suất trên 100m^3/ngày đêm phải xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

(Danh mục Công trình tại Phụ lục 01 kèm theo)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Kinh phí thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Đối với kinh phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình để thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn: Sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị cấp nước, nguồn vốn ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá độc lập định kỳ và đột xuất việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn thành phố theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Ban hành tài liệu hướng dẫn, tổ chức tập huấn về xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị cấp nước, các hộ gia đình theo dõi, giám sát và duy trì số lượng, chất lượng nước.

d) Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát số lượng, chất lượng nước nông thôn theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát giấy phép khai thác tài nguyên nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước của các công trình cấp nước tập trung nông thôn theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

e) Xây dựng thông tin, dữ liệu bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

f) Tổng hợp, báo cáo hằng năm, đột xuất tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Xây dựng.

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan thực hiện cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá độc lập việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn thành phố theo Điều 11 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ truogn73 Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kiểm tra, giám sát số lượng, chất lượng nước nông thôn theo quy định của pháp luật.

3. Sở Y tế

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan thực hiện cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước nông thôn.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá độc lập việc xây dựng, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn thành phố theo Điều 11 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

d) Xây dựng các nội dung quy định trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước phù hợp với phạm vi trong thành phố.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn thành phố.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình:

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát chất lượng nước hộ gia đình đảm bảo an toàn.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và hướng dẫn hộ gia đình thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình.

- Thông báo kịp thời cho các cá nhân, hộ gia đình sử dụng công trình cấp nước hộ gia đình khi nhận được khuyến cáo của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến chất lượng nguồn nước và nước cấp.

- Thống kê danh sách hộ gia đình thực hiện thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp và giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn.

- Phối hợp xây dựng thông tin, dữ liệu về đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

b) Nâng cao trách nhiệm về tuyên truyền về chất lượng nguồn nước ngầm để nâng cao tỷ lệ sử dụng nước máy đảm bảo an toàn và bảo vệ sức khỏe của người dân.

c) Hướng dẫn người dân thực hiện trám lấp các giếng không sử dụng theo quy định.

d) Hằng năm, báo cáo UBND cấp thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện cấp nước an toàn theo Phụ lục VI, Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

đ) Thực hiện nội dung được quy định tại Điều 20 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi được giao nhiệm vụ là đơn vị cấp nước.

6. Đơn vị cấp nước sạch nông thôn

a) Rà soát, lập, điều chỉnh, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình do đơn vị trực tiếp quản lý theo Điều 8, Điều 9 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Kiểm tra, đánh giá nội bộ kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình do đơn vị trực tiếp quản lý theo Điều 10 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do đơn vị quản lý.

d) Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng và công nghệ xử lý phù hợp theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng đáp ứng số lượng và chất lượng.

đ) Hằng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã về kết quả phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình do đơn vị quản lý theo Phụ lục VI, Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân tham gia bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn.

f) Công khai thông tin về thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị.

g) Phối hợp xây dựng thông tin, dữ liệu về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

7. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành liên quan phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Y tế và các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có nội dung, nhiệm vụ nào không phù hợp hoặc phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, xử lý.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 11/12/2023 về thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2028./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND thành phố (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT.UBND thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, Thu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Nguyễn Tuấn Anh

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành theo Kế hoạch số 91 /KH-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Năm đưa vào sử dụng	Công suất phục vụ (m^3/ngđ)	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước an toàn	Đơn vị thực hiện cấp nước an toàn	Nội dung chính
1	Nhà máy nước Thiện Tân	2005	100.000	100.000	Nước mặt	Các xã: Tân An, An Viễn, Bình Minh, Hưng Thịnh, …	2026-2030	Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
2	Nhà máy nước Vĩnh An	2015	15.000	60.000	Nước mặt	Các xã: Bàu hàm, Trảng Bom, Trị An,…	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
3	Nhà máy nước Định Quán	2015	4.200	10.000	Nước mặt	Các xã: Định Quán, Phú Vinh	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
4	Nhà máy nước Tân Phú	2012	2.500	10.000	Nước ngầm	Xã Tân Phú	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
5	Nhà máy cấp nước Tâm - Hưng - Hòa	2015	10.000	70.000	Nước mặt	Các xã: Xuân Thành, Xuân Hòa	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
6	Nhà máy cấp nước hồ Núi Le	2010	10.000	150.000	Nước mặt	Các xã: Xuân Lộc, Xuân Phú, Xuân Định	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
7	Công trình CNTT xã Sông Ray	2011	250	625	Nước ngầm	Xã Sông Ray	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
8	Nhà máy nước Nhơn Trạch	2020	100.000	50.000	Nước mặt	Các xã: Nhơn Trạch, Phước An	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
9	Nhà máy nước Gia Tân	2017	40.000	50.000	Nước mặt	Các xã: Gia Kiệm, Giầu dây, Thống Nhất, Cẩm Mỹ,…	2026-2030	Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
10	Nhà máy nước Thanh Sơn	2020	10.000	20.000	Nước mặt	Các xã: Phú Lâm, Tân Phú	2026-2030	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại 407	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
11	Nhà máy nước Đồng Xoài	2013	30.000	20.000	Nước mặt	Xã Đồng Phú	2026-2030	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Phước	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
12	Nhà máy nước Đại Phước	2005	6.200	10.000	Nước ngầm	Xã Đại Phước	2026-2030	Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
13	Nhà máy nước Nhơn Trạch	2010	28.100	5000	Nước ngầm	xã Nhơn Trạch	2026-2030	Trạch	an toàn khu vực nông thôn
14	Nhà máy nước của Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	2024	60.000	20.000	Nước mặt	Các xã: Nha Bích, Tân Khai	2026-2030	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
15	Nhà máy nước DPD	2016	1.000	2.700	Nước mặt	Xã Đồng Phú	2026-2030	Công ty TNHH đầu tư xây dựng DPD	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
16	Nhà máy nước Bình Phước - IDICO	2009	5.000	5000	Nước mặt	Xã Tân Hưng	2026-2030	Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
17	Nhà máy nước hồ Cầu Mới	2014	90.000	20.000	Nước mặt	Các xã: Phước Thái, Long Phước	2026-2030	Công ty Cổ phần cấp nước Hồ cầu Mới	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
18	Nhà máy nước Phú Riềng	2015	3.000	4.200	Nước mặt	Xã Phú Trung	2026-2030	Công ty TNHH - MTV Cao su Phú Riềng	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
19	TCN sinh hoạt tập trung Tân Lập	2012	640	1.280	Nước mặt	Xã Đồng Phú	2026-2030	Cty CP TV&XD Miền Nam	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
20	Công trình CNTT xã Lộ 25	2018	872	7.892	Nước ngầm	Xã Lộ 25	2026-2030	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
21	Công trình CNTT xã Phú Điền	2019	2.230	21.480	Nước ngầm	Xã Trà Cổ, Phú Điền, Phú Hòa	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
22	Công trình CNTT xã Phú An	2020	600	4.600	Nước ngầm	Xã Phú An	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
23	Công trình CNTT xã Nam Cát Tiên	2020	800	7.680	Nước mặt	Nam Cát Tiên	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
24	Công trình CNTT xã Phú Thịnh	2012	900	7.500	Nước ngầm	Xã Phú Thịnh	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
25	Công trình CNTT xã Phú Lộc	2017	650	5.256	Nước ngầm	Xã Phú Lộc	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
26	Công trình CNTT xã Sông Thao	2020	960	9.896	Nước ngầm	Xã Sông Thao	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
27	Công trình CNTT xã Mã Đà	2017	420	3.412	Nước mặt	Xã Mã Đà	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
28	Công trình CNTT xã Trị An	2019	240	2.724	Nước mặt	Xã Trị An	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
29	Công trình CNTT xã Hiếu Liêm	2017	580	4.888	Nước mặt	Xã Hiếu Liêm	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
30	Công trình CNTT xã Lang Minh	2011	640	6.300	Nước ngầm	Xã Lang Minh	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
31	Công trình CNTT xã Xuân Phú	2019	960	8.016	Nước ngầm	Xã Xuân Phú	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
32	Công trình CNTT ấp 3, xã Thừa Đức	2022	320	2.368	Nước ngầm	Xã Thừa Đức	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
33	Công trình CNTT ấp 4, xã Thừa Đức	2022	320	2.368	Nước ngầm	Xã Thừa Đức	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
34	Công trình CNTT ấp 2, xã Sông Nhạn	2022	320	2.370	Nước ngầm	Xã Sông Nhạn	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
35	Công trình CNTT ấp 3, xã Sông Nhạn	2022	260	1.410	Nước ngầm	Xã Sông Nhạn	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
36	Công trình cấp nước xã Phú Lý	2023	1.230		Nước mặt	Xã Phú Lý	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
37	Công trình cấp nước La Ngà - Phú Ngọc - Ngọc Định	2023	3.700	9.250	Nước mặt	Các xã: Thanh Sơn, La Ngà, Định Quán	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
38	Công trình cấp nước xã Đồi 61	2016	640	1.406	Nước mặt	Xã An Viễn	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
39	Công trình CNTT xã Phú Lợi - Phú Tân	2022	1.200	15.816	Nước mặt	Lợi - Phú Tân	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
40	Công trình cấp nước Hồ Rừng Cấm	2005	2.000	1.400	Nước mặt	Xã Lộc Tấn	2026-2030	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
41	Công trình cấp nước thị trấn Đức Phong	2005	2.000	1.087	Nước mặt	Xã Bù Đăng	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
42	Công trình cấp nước Thọ Sơn	2018	185	260	Nguước ngầm	Xã Thọ Sơn	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
43	Công trình cấp nước Đa Bông Cua	2013	160	150	Nước ngầm	Xã Phước Sơn	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
44	Công trình cấp nước Minh Hưng	2017	600	700	Nước mặt	Xã Bù Đăng	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
45	Công trình cấp nước Hồ Ông Thoại	2005	600	9.000	Nước mặt	Xã Nghĩa Trung	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
46	Công trình cấp nước An Khương	2021	600	1.650	Nước mặt	Xã Tân Hưng	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
47	Công trình cấp nước Tân Khai	2012	270	350	Nước mặt	Xã Tân Khai	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
48	Công trình cấp nước Bù Nho - Long Tân	2019	800	900	Nước mặt	Các xã: Phú Riềng, Long Hà	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
49	Công trình cấp nướcg Long Hà	2015	400	300	Nước mặt	Xã Long Hà	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
50	Công trình cấp nước Lộc Hiệp	2014	400	450	Nước mặt	Xã Lộc Quang	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
51	Công trình cấp nước Thiện Hưng	2017	300	500	Nước ngầm	Xã Thiện Hưng	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
52	Công trình cấp nước Tân Tiến	2010	160	200	Nước ngầm	Xã Tân Tiến	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
53	Công trình cấp nước Tân Thành	2017	200	334	Nước ngầm		2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
54	Công trình cấp nước Thanh Bình	2017	480	1.025	Nước mặt	Xã Thiện Hưng	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
55	Công trình cấp nước Bù Rên	2014	200	450	Nước mặt	Xã Bù Gia mập	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
56	Công trình cấp nước Bù Lư	2005	200	450	Nước mặt		2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
57	Công trình cấp nước liên xã Lộc Thái & Lộc Hưng	2016	640	540	Nước mặt	Xã Lộc Ninh	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
58	Công trình CNTT xã Phước Khánh	1996	1.500	3.500	Nước ngầm	Xã Phước Khánh	2026-2030	UBND xã Đại Phước	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
59	Công trình CNTT xã Phú Đông	2016	700	1.700	Nước ngầm	Xã Phú Đông	2026-2030		Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
60	CNSHTT xã Hưng Phước	2007	100	150	Nước ngầm	Xã Hưng Phước	2026-2030	UBND xã Hưng Phước	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
61	Công trình CNTT ấp 4 xã Thanh Sơn	2010	120	375	Nước ngầm	Xã Thanh Sơn	2026-2030	UBND xã Thanh Sơn	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
62	CNSHTT xã Bom Bo	2015	120	166	Nước ngầm	Xã Bom Bo	2026-2030	UBND xã Bom Bo	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
63	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Thiện	2008	125	250	Nước ngầm	Xã Lộc Tấn	2026-2030	UBND xã Lộc tấn	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
64	Công trình CNTT ấp Suối Đục, xã Sông Nhạn	2010	160	500	Nước ngầm	Xã Xuân Quế	2026-2030	UBND xã Xuân Quế	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
65	CNSHTT xã Minh Lập	2012	293	334	Nước ngầm	Xã Nha Bích	2026-2030	UBND xã Nha Bích	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
66	Công trình CNTT xã Bình An	2010	720	1.450	Nước ngầm	Xã Bình An	2026-2030	UBND xã Bình an	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
67	Công trình CNTT xã Xuân Mỹ	2019	860	2.210	Nước ngầm	Xã Cẩm Mỹ	2026-2030	UBND xã Cẩm Mỹ	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn

STT	Tên công trình	Năm đưa vào	Công suất phục vụ	Số hộ cấp nước	Nguồn nước	Phạm vi cấp nước	Thời gian thực hiện cấp nước	Đơn vị thực hiện cấp nước	Nội dung chính
68	Công trình CNTT xã Phú Lập	2009	900	3.303	Nước ngầm	xã Tà Lài	2026-2030	UBND xã Tà Lài	Theo Điều 8 Thông tư số 20/VBHN-BNNMT ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn
68	**Tổng số**		**522.865**	**770.963**					